

Số: /BC-THCS

Liên Khê, ngày tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Trung học Cơ sở Liên Khê

#### 2. Địa chỉ của cơ sở giáo dục:

Địa chỉ: Thôn 3, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0225 3975235

Website: <https://thcslienkhe.haiphong.edu.vn/>

Địa chỉ thư điện tử: [thcs-lienkhe@thuynguyen.edu.vn](mailto:thcs-lienkhe@thuynguyen.edu.vn)

#### 3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

Loại hình: Trường THCS công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Thủy Nguyên.

#### 4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

**Sứ mạng:** Xây dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

**Tầm nhìn:** Là một trong những trường THCS có chất lượng hàng đầu của huyện mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới xuất sắc.

#### Mục tiêu:

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Giáo dục và giảng dạy cho học sinh nắm được kiến thức, kỹ năng cơ bản của tất cả các môn học phổ thông. Biết cách giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo; biết cách học và tự học. Có ý thức tự giác, thật thà, thân thiện, hoà nhập và chia sẻ. Có phong cách và lối sống đẹp phù hợp với truyền thống dân tộc và hiện đại.

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THCS Liên Khê, tiền thân là trường phổ thông cấp II Liên Khê, được thành lập vào tháng 8 năm 1963 tại khu trung tâm xã Liên Khê. Trong hoàn cảnh cả nước đang thực hiện công cuộc xây dựng XHCN, thực hiện chủ trương của Đảng về xoá nạn mù chữ, trường ra đời thoả nguyện lòng mong mỏi, tinh thần hiếu học của nhân dân Liên Khê.

Ngày đầu thành lập (1963-1964) trường chỉ có 2 lớp 5 với 75 học sinh và 3 thầy giáo. Địa điểm học là 2 phòng của cửa hàng mua bán tại bến Giể. Đến năm 1965 trường mới chính thức được xây dựng tại trung tâm xã nhà.

Thời kỳ từ 1965-1982 là chặng đường đầy khó khăn gian khổ. Thầy cô và các em học sinh đã trải qua các đợt ném bom ác liệt của đế quốc Mỹ, lớp học phải sơ tán về thôn Thụ Khê, Thiêm Khê, Mai Động. Thời kỳ này trường có tới gần 400 học sinh với 9 lớp (3 lớp 5, 3 lớp 6, 3 lớp 7).

Giai đoạn 1982-1993, trường có nhiều thay đổi. Năm học 1982-1983, trường phổ thông cấp I Liên Khê sáp nhập với trường phổ thông cấp II Liên Khê và đổi tên thành trường PTCS Liên Khê. Đến tháng 8 năm 1994, bộ phận cấp II của trường PTCS Liên Khê tách riêng và mang tên mới là trường THCS Liên Khê. Tên gọi này được sử dụng từ đó đến nay.

Từ năm 1993 đến nay nhà trường có bước phát triển vượt bậc. Đến năm học 2023-2024, trường có 20 lớp với 865 học sinh, năm học 2024-2025 trường có 22 lớp với 952 học sinh; nhà trường có đủ các phòng học, đủ các phòng thư viện, thực hành, phòng học bộ môn... Công tác giáo dục đạo đức và nâng cao chất lượng luôn được đặt lên hàng đầu. Hằng năm, tỉ lệ xếp loại hạnh kiểm tốt, khá của học sinh đạt trên 98%, học lực Giỏi khá trên 60%, học sinh Giỏi các cấp trên 20%, học sinh tốt nghiệp THCS luôn đạt 100%. Năm 2013, nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn I; năm 2015 trường đạt kiểm định chất lượng mức độ 2.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật:**

Người đại diện pháp luật: Vũ Trọng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi cư trú: TDP Hoàng Tôn, Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 3, Liên Khê, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Số điện thoại: 0904345745

Email: vutrong@thuynguyen.edu.vn

## **7. Tổ chức bộ máy:**

### **a) Quyết định thành lập:**

Trường THCS Liên Khê được tách từ trường PTCS Liên Khê theo quyết định của UBND huyện Thủy Nguyên năm 1994.

### **b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường**

Hội đồng trường THCS Liên Khê được kiện toàn theo quyết định của UBND huyện Thủy Nguyên. Danh sách Hội đồng trường gồm:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Vũ Trọng	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	

2	Phạm Văn Huy	Phó bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng	
3	Nguyễn Quang Tùng	Chi uỷ viên - Chủ tịch Công đoàn	
4	Vương Thị Thuý Ngân	Bí thư Chi đoàn thanh niên	
5	Nguyễn Thị Bích	Đại diện Tổ Văn phòng	
6	Đoàn Hữu Đô	Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên	
7	Lê Thị Ngọc Thuý	Tổ trưởng tổ Khoa học xã hội	
8	Nguyễn Thị Như Hoa	Tổng phụ trách Đội	
9	Nguyễn Trung Hiếu	Phó chủ tịch UBND xã Liên Khê	
10	Đào Thị Thêu	Trưởng ban, Ban đại diện CMHS	
11	Phạm Ngọc Lan	Đại diện Học sinh	

**c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục**

Quyết định bổ nhiệm và điều động Hiệu trưởng: Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 14/2/2023 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

Quyết định bổ nhiệm lại phó Hiệu trưởng: Quyết định số 14043/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ quản lý.

**d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục; sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:**

**- Quy chế hoạt động của trường:**

+ Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

+ Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

+ Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo

dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành;

+ Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

### **- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục:**

Trường THCS Liên Khê là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện Thủy Nguyên.

+ Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GDĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

+ Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

+ Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

+ Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

+ Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVCh), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT.

+ Thực hiện công khai, dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 21 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 36 công đoàn viên.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 2 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

**e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:**

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ ĐIỆN THOẠI	ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ
Vũ Trọng	Hiệu trưởng	0904345745	vutrong@thuynghuyen.edu.vn
Phạm Văn Huy	Phó hiệu trưởng	0936981289	hpquanghuy03@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn 3, Liên Khê, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Nhiệm vụ, trách nhiệm:

<b>Hiệu trưởng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định;</li> <li>- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;</li> <li>- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định. Trường hợp không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông;</li> <li>- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;</li> <li>- Phối hợp thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc, đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh ;</li> <li>- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;</li> <li>- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;</li> <li>- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;</li> <li>- Tham gia đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;</li> </ul>
--------------------	--

<b>Phó Hiệu trưởng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các công việc theo sự phân công của Hiệu trưởng;</li> <li>- Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của nhà trường; Hướng dẫn xây dựng, quản lý kế hoạch cá nhân của của giáo viên, nhân viên và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường;</li> <li>- Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền;</li> <li>- Tham gia đánh giá, xếp loại học sinh, giáo viên theo quy định;</li> <li>- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn hoặc tổ văn phòng; trực tiếp tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng;</li> <li>- Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý;</li> <li>- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.</li> </ul>
------------------------	--

## 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Kế hoạch chiến lược phát triển trường THCS Liên Khê giai đoạn 2023-2025, tầm nhìn đến năm 2030.
- Kế hoạch Xây dựng trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 2023-2030
- Quy chế dân chủ cơ sở;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;
- Quy tắc ứng xử trong đơn vị trường học;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công;
- Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ đáp ứng yêu cầu GDPT 2018.
- Kế hoạch giáo dục nhà trường theo năm học; ....

## II. THU CHI TÀI CHÍNH

### 1. Thu chi ngân sách năm 2024

#### 1.1. Thu

Dự toán ngân sách cấp theo Quyết định số 10926/QĐ-UBND của UBND huyện Thủy Nguyên ngày 18/12/2023: **4.915.000.000đ.**

Cấp bổ sung đợt 1/2024: **873.000.000đ.**

Cấp kinh phí chi không thường xuyên: **11.600.000đ.**

Dư năm 2023 mang sang : **0đ.**

**Tổng kinh phí được sử dụng: 5.799.600.000đ.**

#### 1.2. Chi (Từ tháng 01/01/2024 đến 31/08/2024) : **3.962.929.990đ**

TT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Ghi chú
1	Sửa chữa duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn chi không thường xuyên	11.600.000	
2	Chi thanh toán cho cá nhân	3.095.606.817	
1.1	Chi lương	1.702.517.594	

1.2	Chi tiền công hợp đồng 111	289.409.208	
1.3	Phụ cấp lương	1.065.240.015	
1.4	Chi thưởng, phúc lợi tập thể	26.200.000	
1.5	Thanh toán khác	12.240.000	
<b>3</b>	<b>Các khoản đóng góp</b>	<b>547.738.948</b>	
<b>4</b>	<b>Dịch vụ công cộng</b>	<b>36.297.025</b>	
<b>5</b>	<b>Vật tư văn phòng</b>	<b>29.650.000</b>	
<b>6</b>	<b>Thông tin liên lạc</b>	<b>15.952.600</b>	
<b>7</b>	<b>Công tác phí</b>	<b>16.764.000</b>	
<b>8</b>	<b>Thuê mướn</b>	<b>50.760.000</b>	
<b>9</b>	<b>Sửa chữa duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn từ nguồn chi thường xuyên</b>	<b>12.649.000</b>	
<b>10</b>	<b>Nghiệp vụ chuyên môn</b>	<b>99.940.000</b>	
<b>11</b>	<b>Chi khác</b>	<b>45.971.600</b>	
	<b>Cộng</b>	<b>3.962.929.990</b>	

**Số dư đến hết 31/08/2024: 1.836.670.010đ**

## **2. Thu chi ngoài ngân sách năm học 2023-2024**

### **2.1. Học phí**

\* **Phần thu:** Thực hiện theo Nghị Quyết của HĐND thành phố về Quy định mức thu học phí đối với các trường công. Mức thu 62.000đ/tháng/HS.

- Trường không thu của học sinh, khi được UBND thành phố hỗ trợ đóng học phí theo Nghị Quyết 54/NQ-HĐND thành phố trường đã thực hiện chi trả và thu theo quy định.

- Trong học kỳ I năm học 2023-2024, nhà trường đã nhận số tiền hỗ trợ đóng học phí theo NQ 54/NQ-HĐND thành phố là: 214.644.000 đ

- Trong học kỳ II năm học 2023-2024, nhà trường đã nhận số tiền hỗ trợ đóng học phí theo NQ 54/NQ-HĐND thành phố là: 267.654.000 đ

Số kinh phí hỗ trợ học phí năm học 2023-2024: 482.360.000 đ

Dư năm học 2022-2023 mang sang: 366.034.623 đ

**Tổng số được sử dụng: 848.394.623đ**

\* **Phần chi : Tổng số đã chi : 580.678.623đ**

- Chi thu nhập tăng thêm 6 tháng cuối năm 2022: 163.088.100 đ

- Chi lương biên chế tháng 11/2023: 70.000.000đ

- Chi lương biên chế tháng 12/2023: 132.946.523đ

- Chi quá giờ học kỳ I năm học 2023-2024: 99.175.200đ

- Chi nghiệp vụ, CSVN: 115.468.800đ

\* **Dư: 267.654.000đ** (Dư tại tiền gửi kho bạc)

Dự kiến số dư này chi tiền lương năm 2024.

## **2.2. Dạy thêm, học thêm:**

\* **Phần thu:** Mức thu 8.500đ/tiết, thu theo số tiết thực học.

Dư năm học 2022-2023 mang sang: 10.190.773đ

Số tiền thu : 1.502.178.000đ

**Tổng số được chi: 1.512.368.773đ**

\* **Phần chi : Tổng số đã chi: 1.430.887.149 đ**

- Trả giáo viên trực tiếp giảng dạy, quản lý lớp học thêm: 70%: 1.051.524.600đ

- Chi quản lý và chỉ đạo: 15%: 225.326.700đ

- Phúc lợi: 6% : 84.433.640đ gồm chi quà tết, thăm quan du lịch, trả kinh phí kho bạc).

- Bổ sung CSVC 9%: 69.602.209đ

Trong đó chi: mua bảng trượt, sửa cửa nhôm kính, thẩm định giá...

\* **Số dư đến hết 31/08/2024: 81.481.624 đồng** (Dư tại tiền gửi kho bạc chi phúc lợi 15.887.813đ, CSVC 65.593.811đ)

### **Tiền ôn thi vào lớp 10:**

\* **Phần thu:** 10.000 đồng/tiết, Tổng số tiền thu : 233.120.000đ

\* **Phần chi : Tổng số đã chi: 212.139.200đ**

- Trả giáo viên trực tiếp giảng dạy, quản lý lớp ôn thi 70%: 163.184.000đ

- Chi quản lý và chỉ đạo 15% : 34.968.000đ

- Phúc lợi 6% : 13.987.200đ

**Dư còn đến 31/08/2024 (tiền gửi kho bạc chi CSVC) : 20.980.800đ**

**2.3. Quỹ Đội, báo Đội:** Thực hiện theo Kế hoạch số 02-KH/LN ngày 17/9/2018 của Huyện đoàn và Phòng GDĐT Thủy Nguyên.

\* **Phần thu:** Tổng thu: 59.710.000đ.

\* **Phần chi : 56.464.000**

- Chi các hoạt động nghiệp vụ của đội :27.118.000đ .

- Chi mua báo đội :17.200.000đ.

- Nộp kế hoạch nhỏ, rèn luyện đội viên : 1.191.000đ.

- Ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, xây nhà Khăn quàng đỏ...: 4.500.000 đ

- Chi nghiệp vụ đội khác : 8.855.000đ

**- Dư quỹ đến 31/08/2024: 846.000đ**

**2.4. Tiền nước uống học sinh:** Thu theo sự thống nhất của cha mẹ học sinh, nhà trường thay mặt ký hợp đồng thỏa thuận với nhà cung cấp.

- Mức thu 10.000đ/hs/tháng. Thu theo học kỳ.

- Tổng số thu được: 75.900.000đ.

- Chi trả nhà cung cấp theo hợp đồng trọn gói đã ký kết với công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Thủy Tiên: 100% = 75.900.000đ.

- Dư đến 31/08/2024: 0đ

### **2.5. Dịch vụ trông xe:**

- Mức phí thu 25.000đ/tháng đối với học sinh đăng ký gửi xe.

- Dư năm học 2022-2023 mang sang: 510.500đ.

- Tổng kinh phí thu được: 122.075.000đ.

**- Tổng chi: 109.867.500đ.**

Trong đó: - Chi trả cho công tác trông coi, sắp xếp xe: 97.660.000đ.

- Chi nộp thuế GTGT 10%: 12.207.500đ.

- Chi nộp thuế môn bài: 2.000.000đ

**Dư còn đến 31/08/2024 (tiền gửi kho bạc chi CSVN): 10.718.000đ**

### **2.6. Huy động tài trợ**

Trong năm học 2023-2024 huy động bằng hiện vật: 06 chiếc ti vi

## **3. Kế hoạch thu chi ngoài ngân sách năm học 2024-2025:**

### **3.1. Học phí:**

- Kế hoạch thu: Thu 62.000 đồng/HS/tháng theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025;

- Chi: Theo Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính về thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm học 2024-2025.

- Trước mắt không thu, khi nào được UBND thành phố hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND Thành phố thì sẽ chuyển số tiền hỗ trợ này đến từng PHHS và thực hiện chi trả và thu.

### **3.2. Bảo hiểm y tế:**

- Thu: Thu hộ BHXH huyện theo công văn số 297/BHXH, ngày 01/08/2024 của BHXH Thủy Nguyên về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025; Không thu của học sinh thuộc gia đình hộ nghèo, cận nghèo, con của gia đình chính sách khác đã được cấp thẻ BHYT.

- Mức phí: 884.520 đồng/HS/năm.
- Thời điểm thu: Thu 1 lần (từ ngày 14/11/2024 đến 29/11/2024)
- Chi: Nộp 100% số tiền thu được về BHXH huyện Thủy Nguyên.

### **3.3. Quỹ Đội, Báo đội, Vòng tay bè bạn, Nhà Khăn quàng đỏ:**

- Theo Kế hoạch Liên ngành của Huyện đoàn và Phòng Giáo dục Đào tạo Thủy Nguyên; Công văn của Huyện đoàn Thủy Nguyên

- Mức vận động: học sinh thu gom giấy vụn (vận động 9kg/HS/năm học), vỏ lon bia.... Quy đổi khoảng 70 000đ/hs/năm.

- Chi: dùng chi các hoạt động của công tác Đội và đặt báo Thiếu niên cho học sinh đọc, xây dựng quỹ Vòng tay bè bạn, đóng góp với Huyện đoàn xây Nhà Khăn quàng đỏ.

### **3.4. Dạy thêm, học thêm:**

*\* Dự kiến thu:*

- + Tổng số dự kiến thu 850 em.
- + Số tiền học sinh phải đóng cho 1 tiết học thêm: 8.500 đồng
- + Số tiền trung bình 1 học sinh phải đóng cho 1 tháng học thêm (nếu học đủ 4 tuần): 408 000 đồng
- + Tổng số tiền nhà trường dự kiến thu về trong 1 tháng:  
 $850 \text{ HS} \times 408.000 \text{ đ/HS} = 346.800.000 \text{ đồng}$

*\* Dự kiến chi:*

- Chi trả giáo viên trực tiếp dạy thêm và quản lý lớp 70% = 242.760.000 đ
- Số tiền còn lại (30% = 104.040.000 đ) được chi cụ thể như sau:
  - + Chi bổ sung cơ sở vật chất 6% = 20.808.000 đ
  - + Chi bổ sung quỹ phúc lợi 9% = 31.212.000 đ
  - + Chi trả Quản lý 15% = 52.020.000 đ

### **3.5. Trông coi xe:**

- Thu: 25.000 đồng/xe/tháng. Dự kiến thu được 130.000.000 đồng
- Thời điểm thu: Thu theo từng tháng
- Chi: Chi cho người trông coi xe theo hợp đồng và tu bổ CSVC

### **3.6. Nước uống cho học sinh:**

- Mức thu: 10.000 đ/HS/tháng, chỉ thu những tháng học sinh học tập hay tham gia hoạt động tại trường, thu theo từng học kỳ
- Dự kiến thu 9 tháng/năm học được 95.000.000 đồng
- Chi: Trả 100% cho nhà cung cấp theo hợp đồng.

### III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

#### 1. Thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên:

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên: 37 người; Biên chế: 28 người (BGH 2, GV 24, NV 02), Hợp đồng: 9 người (6 giáo viên, 2 bảo vệ, 1 Kế toán); Nam: 13 người, Nữ: 24 người

- Giáo viên đứng lớp: 30 người, trong đó: Tổ KHTN: 17 người (12 viên chức, 5 HĐ 111), Tổ KHXH: 13 người (12 viên chức, 1 HĐ 111)

- Trình độ cán bộ, giáo viên, nhân viên: 100% đại học và trên đại học.

- 100% giáo viên ngoại ngữ đạt trình độ B2 trở lên theo quy định.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn nghề nghiệp khá trở lên

- 100% CBGV hoàn thành tốt các lớp học bồi dưỡng theo quy định

#### 2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

2.1. Diện tích đất xây dựng trường: 5705m<sup>2</sup>, đạt 6 m<sup>2</sup>/HS, so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu 4 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020, của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Số lượng, hạng mục các khối:

a. Khối phòng hành chính quản trị:

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích
1	Phòng Hiệu trưởng	1	18m <sup>2</sup>
2	Phòng phó hiệu trưởng	1	18m <sup>2</sup>
3	Phòng Bảo vệ	1	16m <sup>2</sup>
4	Hội trường (Phòng họp)	1	96m <sup>2</sup>

b/Khối phòng học tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Diện tích
1	Phòng học	22	48m <sup>2</sup>
2	Phòng bộ môn Tin học	01	48m <sup>2</sup>
3	Phòng bộ môn Âm nhạc	0	
4	Phòng bộ môn Mỹ thuật	0	
5	Phòng bộ môn Công nghệ	0	
6	Phòng bộ môn KHTN	0	
1	Phòng Ngoại ngữ	0	
2	Phòng đa chức năng	0	

<b>STT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích</b>
3	Phòng bộ môn KHXH	0	

*c. Khối phòng hỗ trợ học tập:*

<b>STT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích</b>
1	Phòng thư viện	1	48m <sup>2</sup>
2	Phòng thiết bị giáo dục	1	48m <sup>2</sup>
3	Phòng truyền thống	1	42m <sup>2</sup>
4	Phòng Đội	1	18m <sup>2</sup>
5	Phòng tư vấn học đường, hỗ trợ HS khuyết tật hoà nhập	0	

*d/ Khối phụ trợ:*

<b>STT</b>	<b>Tên phòng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Diện tích</b>
1	Phòng trực	1	18m <sup>2</sup>
2	Phòng tổ KHTN	0	
3	Phòng tổ KHXH	0	
4	Phòng y tế học đường	1	18m <sup>2</sup>
5	Phòng Công Đoàn	1	18m <sup>2</sup>
6	Phòng Kế toán	1	18m <sup>2</sup>
7	Nhà để xe học sinh	1	500m <sup>2</sup>
8	Khu vệ sinh học sinh	1	150m <sup>2</sup>
9	Nhà Kho	1	18m <sup>2</sup>

*e. Khu sân chơi, thể dục thể thao:*

+ Sân trường: Hoạt động chung của trường đủ diện tích đảm bảo theo quy định. Sân có cây xanh, bóng mát.

+ Sân thể dục thể thao: Không có.

+ Nhà tập đa năng: Không có

*f. Hạ tầng kỹ thuật*

+ Hệ thống nước sạch: Đảm bảo các quy định về tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định;

+ Hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp với rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải đảm bảo.

+ Hệ thống cấp điện: Đảm bảo theo quy định.

+ Hệ thống PCCC: Đảm bảo theo quy định.

+ Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: Điện thoại; Kết nối mạng Internet phục vụ các hoạt động của trường đảm bảo theo quy định.

+ Thu gom rác thải: Bố trí hợp lý, đảm bảo quy định.

*g. Thiết bị dạy học:*

+ Các phòng bộ môn: Các phòng học bộ môn được trang bị đầy đủ bàn, ghế, tủ, giá, kệ, hệ thống điện, nước, hệ thống quạt, thông gió, các thiết bị hỗ trợ khác và thiết bị dạy học, học liệu theo tính chất đặc thù của từng bộ môn.

+ Thiết bị dạy học:

<b>TT</b>	<b>Thiết bị dạy học tối thiểu</b>	<b>Số lượng (bộ)</b>	<b>Số bộ/lớp</b>
<b>1</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có</b>	<b>4</b>	<b>04/22</b>
1.1	Khối 6	1	01/6 lớp
1.2	Khối 7	1	01/6 lớp
1.3	Khối 8	1	01/5 lớp
1.4	Khối 9	1	01/5 lớp
<b>2</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu</b>	<b>4</b>	
2.1	Khối 6	1	
2.2	Khối 7	1	
2.3	Khối 8	1	
2.4	Khối 9	1	

### **3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:**

*3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá*

- Trường THCS Liên Khê được công nhận là trường chuẩn quốc gia vào năm 2013 theo quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND thành phố Hải Phòng; đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 năm 2015 theo quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

*3.2. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.*

*3.2.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:*

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Trường THCS Liên Khê tự rà soát đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia như sau:

**\* Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Kết quả Đạt			Nội dung không đạt
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>Tổ chức và quản lý nhà trường</b>				
Tiêu chí 1.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.2		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 1.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.4		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.5		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.6		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 1.7		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 1.8		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 1.9		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 1.10		Đạt	Đạt	Không Đạt	
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh</b>				
Tiêu chí 2.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.2		Đạt	Đạt	Không Đạt	2.2.b
Tiêu chí 2.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 2.4		Đạt	Đạt	Đạt	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>				
Tiêu chí 3.1		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 3.2		Đạt	Đạt	Không Đạt	3.2. b
Tiêu chí 3.3		Đạt	Đạt	Không Đạt	3.3. a
Tiêu chí 3.4		Đạt	Đạt	Không Đạt	3.4. a
Tiêu chí 3.5		Đạt	Đạt	Không Đạt	
Tiêu chí 3.6		Đạt	Đạt	Không Đạt	
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>				
Tiêu chí 4.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 4.2		Đạt	Đạt	Đạt	

<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>				
Tiêu chí 5.1		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.2		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.3		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.4		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.5		Đạt	Đạt	Đạt	
Tiêu chí 5.6		Đạt	Đạt	Đạt	

**\*Đánh giá tiêu chí Mức 4**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Kết quả</b>		<b>Nội dung đã đạt</b>
	<b>Không đạt</b>	<b>Đạt</b>	
Tiêu chí 1	X		
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4	X		
Tiêu chí 5	X		
Tiêu chí 6	X		

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2

**3.2.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1**

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian:

Trường THCS Liên Khê đạt kiểm định chất lượng mức độ 2 năm 2015 theo quyết định của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng.

Đối chiếu với Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: Trường THCS Liên Khê đến thời điểm tháng 9/2024 tự đánh giá đạt được kiểm định mức độ 2.

**IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2024-2025**

*a. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan:*

- Đối tượng: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học; Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2013); Những học sinh được học

vượt lớp hoặc học sinh được vào học tiểu học ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định ở tiểu học thì tuổi vào lớp 6 được giảm hoặc tăng căn cứ vào tuổi của năm hoàn thành chương trình tiểu học; học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, học sinh ở nước ngoài về nước có thể vào cấp học ở tuổi cao hơn tuổi so với tuổi quy định.

- Chỉ tiêu tuyển sinh: 262.

- Phương án tuyển sinh: Xét tuyển.

- Hình thức tuyển: Trực tuyển kết hợp với trực tiếp.

**\* Thời gian tuyển sinh:**

+ Tuyển sinh theo đúng tuyển:

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: Từ ngày 08/7 đến ngày 20/7/2024.

- Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp và bổ sung: Từ ngày 22/7/2024 đến ngày 27/7/2024.

Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút;

Chiều từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

+ Tuyển sinh không theo tuyển (trái tuyển). Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp từ ngày 22/7/2024 đến ngày 28/7/2024.

Sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 00 phút;

Chiều từ 14 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút.

*b. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:*

*b1. Chỉ tiêu số lượng:*

Huy động HS hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6 đạt 100%

Tỷ lệ học sinh bỏ học trong năm học không quá 3 em (0,3%)

Thực hiện công tác phổ cập THCS, THPT và nghề:

THCS: Huy động: 100% Hiệu quả: 99%

THPT và nghề: Huy động: 98% Hiệu quả: 95%

*b2. Hai mặt giáo dục:*

*Đối với lớp 6: Kết quả cuối năm học:*

Kết quả rèn luyện: Tốt 90% trở lên, Khá không quá 10%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 60% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 40% (trong đó Chưa đạt không quá 2%)

*Đối với lớp 7: Kết quả cuối năm học:*

Kết quả rèn luyện: Tốt 92% trở lên, Khá không quá 8%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 63% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 37% (trong đó Chưa đạt không quá 2%)

*Đối với lớp 8: Kết quả cuối năm học:*

Kết quả rèn luyện: Tốt 93% trở lên, Khá không quá 7%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 65% trở lên, Đạt và Chưa đạt không quá 35% (trong đó Chưa đạt không quá 1%)

*Đối với lớp 9:*

Kết quả rèn luyện: Tốt 95% trở lên, Khá không quá 5%, Đạt 0, Chưa đạt 0

Kết quả học tập: Tốt và Khá 70% trở lên, Đạt không quá 30%, Chưa đạt 0%

*b3. Học sinh giỏi:*

- Học sinh đạt học sinh giỏi cấp huyện 20 em (bao gồm cả TĐTT), có giải cấp thành phố.

- Xếp Top 20 trong bảng xếp hạng học sinh giỏi huyện.

*b4. Một số chỉ tiêu khác:*

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT đạt 90%, học nghề 10%.

Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THCS dự thi vào THPT công lập đạt trên 75%

Tỉ lệ học sinh thi đỗ vào THPT (tính trên số học sinh dự thi): trên 85%

Tỉ lệ học sinh thi đỗ vào THPT (tính trên tổng số TNTHCS): 65%

Phấn đấu trong top 15 của huyện.

Điểm thi các môn vào 10 THPT tăng 0,25 điểm/môn

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: huy động từ 90% trở lên học sinh tham gia và đạt kết quả khá, tốt.

Tổ chức được các hoạt động ngoại khóa nhằm giáo dục kỹ năng sống, đảm bảo 100% học sinh cần hỗ trợ được nhà trường đáp ứng.

Không có học sinh vi phạm ATGT trong năm học.

*b5. Chỉ tiêu kiểm tra nội bộ:*

100% giáo viên và các đoàn thể, tổ nhóm được kiểm tra, đạt kết quả khá và tốt

*b6. Chỉ tiêu thi đua:*

*\* Danh hiệu thi đua tập thể:*

+ Nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc.

+ Công đoàn: Xuất sắc; Liên đội: Tốt.

+ Nhà trường đạt Đơn vị văn hóa cấp huyện.

+ 3 tổ đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, 18/22 lớp đạt lớp tiên tiến.

*\* Danh hiệu thi đua cá nhân:*

+ Chiến sĩ thi đua cơ sở: 3 người trở lên

+ Tổng số người đạt CSTĐCS và LĐTT trên 80%

+ 02 CB, GV trở lên được đề nghị UBND huyện tặng giấy khen.

## **2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024:**

- Duy trì số lượng học sinh, giữ vững kết quả phổ cập giáo dục THCS, duy trì các chỉ tiêu phổ cập giáo dục THPT và Nghề.

- Tỷ lệ HS lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS 100%. Công tác học sinh giỏi đạt kết quả như kế hoạch đã đề ra.

- Kết quả hai mặt giáo dục: Hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra, không có học sinh xếp học lực và kết quả học kém hay không đạt, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm và kết quả rèn luyện trung bình hay đạt trở xuống.

- Tiếp tục đạt được kết quả theo kế hoạch đề ra trong việc ôn luyện cho học sinh dự thi vào lớp 10 THPT công lập: 129 học sinh dự thi đã đỗ 115 em đạt tỷ lệ 89,15%.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025.

### ***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT;
- Đăng trên website trường;
- Lưu: VT, Hồ sơ nhà trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Vũ Trọng**